

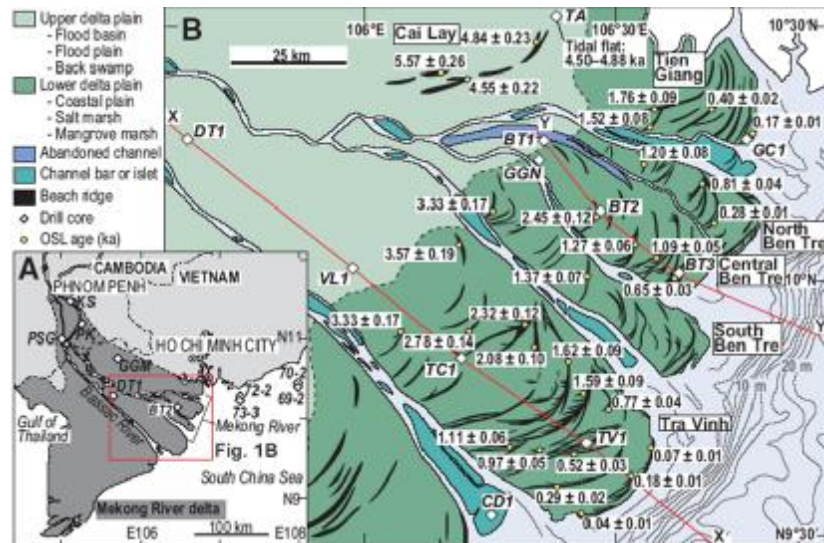
ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG ĐỐI DIỆN VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU. MẤY VẤN ĐỀ CẦN QUAN TÂM

Gs.Tskh. Nguyễn Ngọc Trân ¹

I. QUAN ĐIỂM TIẾP CẬN ĐỘNG VÀ HỆ THỐNG

Châu thổ sông Mêkông là một châu thổ trẻ, được hình thành từ khoảng 12000 năm nay, kết quả của sự tương tác giữa ba quá trình sông, sóng và triều. Châu thổ còn đang có nhiều biến động.

Có những giồng đang trong quá trình hình thành từ 100 năm trở lại đây ². Nhiều cù lao trên sông Tiền, sông Hậu đã được sinh ra và ở đó đã được lập nên những xã, huyện mới. Nhiều nhánh sông hẹp dần cùng lúc với các cù lao lớn lên và trở thành lòng sông “cổ” trong những cù lao mới to hơn. Cửa Ba Lai và Cửa Bassac đã và đang biến động theo quá trình này. Có những địa bàn như Mũi Cà Mau trong 130 năm qua liên tục được bồi tụ trong khi đó có những nơi như Cửa Bồ Đề (Cà Mau) cũng trong khoảng thời gian này liên tục bị xói lở.



Tuổi của các giồng được phân tích bằng phương pháp kích hoạt huỳnh quang ²

Các kích bản biến đổi khí hậu thường lấy mốc năm 2100.

So với nhịp độ của biến đổi khí hậu (BĐKH), thì trong 100 năm tới, đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) sẽ có nhiều biến động. Một đặc thù mà việc ứng phó với BĐKH trên địa bàn phải tính đến là những biến động này lại tùy thuộc vào diễn biến của BĐKH.

¹ Nguyễn PCN UBKHvKT Nhà nước (1980-1992), nguyên Chủ nhiệm Chương trình cấp nhà nước “Điều tra cơ bản tổng hợp Đồng bằng sông Cửu Long” (1983-1990) (60-02, 60-B), Đại biểu Quốc hội các khóa IX, X, XI, (1992-2007), Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Phát triển đồng bằng sông Cửu Long (TTNCPT ĐBSCL).

² *Origin and evolution of interdistributary delta plains; insights from Mekong River delta* Toru Tamura, Yoshiki Saito, V. Lap Nguyen, T.K. Oanh Ta, Mark D. Bateman, Dan Matsumoto, Shota Yamashita, *GEOLOGY*, April 2 2012, vol. 40, no. 4; p. 303-306

ĐBSCL “sông” với nhiều nhịp điệu: nửa ngày, nửa tháng, sáu tháng (hai mùa mưa khô, dòng hải lưu xoay chiều) và nhiều năm (mạo sinh).

Nước Mêkông chảy vào ĐBSCL tại Tân Châu và Châu Đốc, chảy tràn vào Đồng Tháp Mười và Tứ giác Long Xuyên, tỏa ra và đổ ra biển theo quy luật tự nhiên chứ không theo ranh giới hành chính.

Ứng phó với BĐKH tại ĐBSCL, do vậy cần được tiếp cận theo quan điểm động và hệ thống hơn bất cứ vùng lãnh thổ nào.

II. BA CẤP ĐỘ TÁC ĐỘNG LÊN CHÂU THỔ SÔNG MÊKÔNG

1. Trên phạm vi toàn cầu

Châu thổ sông Mêkông là một trong năm châu thổ bị uy hiếp nặng nề nhất trên thế giới bởi BĐKH.

Tháng 6.2009, Bộ Tài nguyên và Môi trường công bố *mức nước biển dâng* (MNBD) suốt dọc 3260 km bờ biển Việt Nam.

Tháng 6. 2012, MNBD mới được Bộ công bố theo ba kịch bản phát thải khí nhà kính, thấp, trung bình và cao. Lần này MNBD được chia ra 7 cung đoạn, trong đó liên quan đến châu thổ sông Mêkông có hai, từ Mũi Kê Gà đến Mũi Cà Mau và từ Mũi Cà Mau đến Hà Tiên.

Cơ quan liên chính phủ về biến đổi khí hậu (IPCC) có nhận xét: Các nhà nghiên cứu về mô hình khí hậu quan tâm đến sự thay đổi của *mức nước biển dâng chân tĩnh (eustatic)*, còn các nhà nghiên cứu về tác động (của BĐKH) chú trọng đến sự biến động *mức nước biển dâng tương đối*.

Vấn đề cần làm rõ là MNBD đã được chính thức công bố là loại MNBD nào? Một câu hỏi không kinh viện mà rất thực tế vì rất cần cho việc ứng phó và cho công tác quy hoạch phát triển.

Nghiên cứu MNBD tương đối của các châu thổ sông Gange, sông Mississippi, sông Hoàng Hà, sông Chao Praya và sông Mêkong cho thấy MNBD tương đối của các châu thổ này bình quân tăng 4 lần nhanh hơn MNBD toàn cầu, trong thời gian qua³.

2. Tác động ở cấp độ lưu vực.

Nằm ở tận cùng của lưu vực sông Mêkông, tiếp xúc với Biển Đông và Vịnh Thái Lan, châu thổ sông Mêkông hứng chịu hậu quả của việc sử dụng nước ở thượng nguồn, ảnh hưởng đến *khối lượng nước, chất lượng nước, phù sa và tài nguyên thủy sản* chảy vào châu thổ.

Phần lãnh thổ Việt Nam của châu thổ, mà chúng ta gọi là ĐBSCL, nơi gần 18 triệu người sinh sống, phải đối diện với thách thức này *cùng một lúc* với một thách thức khác đến từ phía biển.

³ Irina Overeem, J. Syvitski, A. Kettner, E. Hutton, and B. Brakenridge, *Sinking Deltas due to Human Activities*, Search and Discovery, Article #70094 (2010).

Từ phía thượng nguồn các tác động mạnh đến hạ lưu là việc *chuyển nước* ra khỏi lưu vực, *việc xây dựng các đập trên dòng chính*⁴; *nạn mất rừng*; và *nhu cầu về nước tăng* do tăng dân số và do *phát triển sản xuất nông nghiệp* trong lưu vực.

Chuyển nước sang lưu vực khác rất tai hại vì có thể ví như trích máu liên tục từ cơ thể một con người.

Xây dựng chuỗi đập trên dòng chính sẽ biến dòng chảy liên tục theo trọng lực thành dòng chảy bậc thang, làm thay đổi cơ bản chế độ thủy văn và các hệ sinh thái về phía hạ lưu. Sự thay đổi này là vĩnh viễn, không thể quay trở lui.

Tác động từ phía biển là sóng, triều, dòng hải lưu, dòng chảy ven bờ; là xâm nhập mặn, ngập do nước biển dâng, và bão và áp thấp nhiệt đới, v.v. ...

Hai loại tác động trên không tách biệt nhau mà quyện vào nhau ngay tại châu thổ. Nói khác đi, ĐBSCL chịu sự *tác động kép* từ phía nguồn và từ phía biển.

Yếu tố *vật liệu trầm tích* mà dòng sông mang theo, đóng vai trò quan trọng trong tác động kép này. Trước tiên vì nó can dự vào sự biến đổi địa mạo lòng sông, cửa sông và quá trình bồi xói đường bờ biển. Các yếu tố này ảnh hưởng trở lại đến truyền triều vào bên trong châu thổ và giao thoa tại đây với quá trình sông.

Có tài liệu dự báo rằng khi 19 đập trên dòng chính sông Mêkông (8 đập phía Trung Quốc và 11 đập phía hạ lưu) đi vào hoạt động thì lượng vật liệu trầm tích đi vào châu thổ sẽ giảm đi 75%⁵.

MNBD thực tế của châu thổ, hoặc trong từng vùng, ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất và đời sống ở nơi đó⁶. Đó là MNBD tương đối trừ đi độ nâng cao bề mặt, cộng với độ sụt lún.

Sụt lún chia ra hai loại, *sụt lún tự nhiên* của mặt đất do quá trình nén dẽ, canh tác và *sụt lún do con người*, còn được gọi là sự *sụt lún tăng tốc* do khai thác nước ngầm, than bùn, cát sông và các khoáng sản khác, cũng như do xây dựng nhà máy, khu công nghiệp, phát triển đô thị, ...

Đối với ĐBSCL rất cần biết MNBD thực tế bởi lẽ ở đây địa hình mặt đất thấp, hệ số quay vòng đất cao, phù sa về hàng năm cho tới nay là đáng kể, nền đất từ yếu đến rất yếu, và tốc độ phát triển đô thị cao. Nó liên quan đến công tác quy hoạch, đến hiệu quả sử dụng ngân sách vì hàng trăm ngàn tỷ đồng sẽ được đầu tư cho việc ứng phó với BĐKH, NBD trong thời gian tới⁷.

⁴ Theo tài liệu của Ủy hội sông Mêkông (MRC), trên dòng chính phía Trung Quốc đã và đang được xây dựng 8 đập, phía hạ lưu vực có 11 đập. Có tài liệu nói rõ ngoài các đập *Mensong, Ganlanba, Jinghong, Nuozhadu, Dachaoshan, Manwan, Xiaowan, Gongguoqiao* trên bản đồ của MRC, còn có 13 đập khác là *Miaowei, Huangdeng, Tuoba, Lidi, Wunonglong, Jiabi, Gushui, Guxue, Rumei, Kamadu, Jinhe, Ruyi* và *Guoduo*.

⁵ Phát biểu của Thứ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Nguyễn Thới Lai tại Hội thảo khoa học góp ý cho “*Mekong Delta Plan*” ngày 05.12.2012 tại Mỹ Tho, Tiền Giang.

⁶ J.P. Ericson, C.J. Vorosmarty, S.L. Dingman, L.G. Ward, M. Meybaeck. *Effective sea-level rise and deltas: Causes of change and human implications. Global and Planetary Change*, vol. 50, Issues 1-2, p.63-82, 02.2006.

⁷ Nguyễn Ngọc Trân, *Rất cần biết mực nước biển dâng thực tế*, Báo ĐBNĐ, số 221, 8.8.2012.

Trong quản lý nhà nước, nhất thiết các Bộ, ngành và các địa phương phải sớm có sự phân công phối hợp để theo dõi và đánh giá sự sụt lún, cả tự nhiên lẫn tăng tốc, đặc biệt việc khai thác cát trên các sông Tiền và sông Hậu.

3. Các tác động tại chỗ

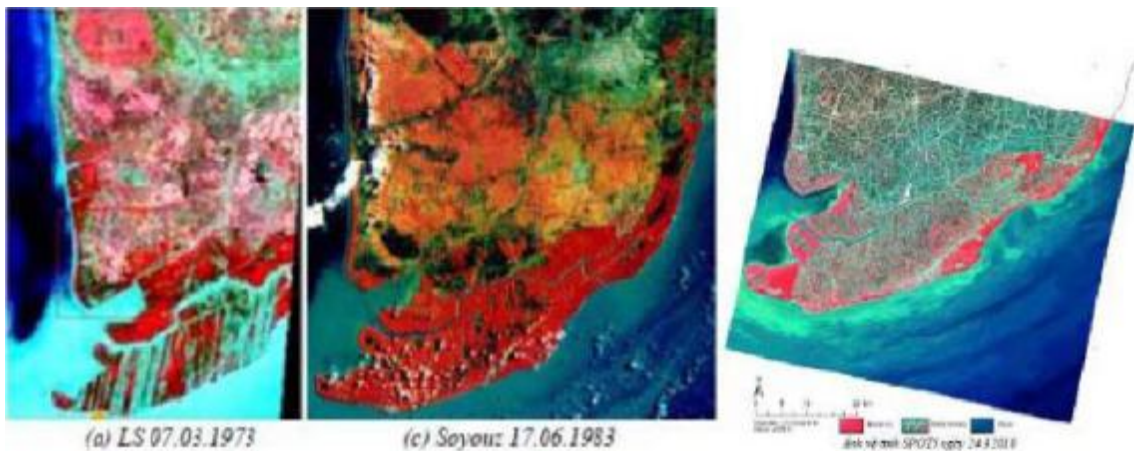
3.1. Một nghiên cứu năm 2012⁸ sử dụng ảnh vệ tinh so sánh độ sâu thủy trực trên sông Hậu, từ Km 40 đến Km 185 tính từ cửa biển, đưa ra con số khác biệt về thể tích là - 0.11 km³ giữa hai thời điểm từ năm 1998 đến năm 2008. Cũng nghiên cứu này chỉ ra trên sông Tiền, từ Km 35 đến Km 235, giữa hai thời điểm 1998 và 2008, sự khác biệt về thể tích là - 0.09 km³.

Vì các đập trên dòng chính ở phía thượng nguồn còn cách khá xa châu thổ, sự sụt giảm về thể tích này do khai thác cát dọc theo các sông là chủ yếu.

MNBD + mất đi nguồn trầm tích do xây dựng đập ở thượng nguồn + sụt lún tự nhiên + khai thác nước ngầm quá mức + xây dựng quá nặng trên nền đất yếu + khai thác cát trên các sông không quản lý được sẽ làm trầm trọng hơn tình trạng ngập lụt ở ĐBSCL, mà thường được quy là do BĐKH.

Nếu tình huống này kéo dài, đối diện với biến đổi khí hậu, nước biển dâng, châu thổ sông Mêkong có nguy cơ sẽ là một châu thổ đang chìm dần.

3.2. Một tác động khác ở cấp độ châu thổ là việc *mất rừng ngập mặn*, tầm lá chắn xanh thiên nhiên bảo vệ bờ biển và một nơi đa dạng sinh học của đồng bằng. So sánh ảnh vệ tinh vùng ven biển ở các thời điểm khác nhau cho thấy tốc độ mất rừng ngập mặn là đáng báo động trong ba thập kỷ qua và có một sự tương quan rõ giữa mất rừng ngập mặn với xói lở đường bờ biển.



Rừng ngập mặn Cà Mau trong chiến tranh (trái), được tái sinh (giữa) và năm 2010 (phải)

Có ý kiến cho rằng mất rừng ngập mặn là vì lý do BĐKH. Không loại trừ nguyên nhân này, nhưng những chuyên khảo sát dọc bờ biển về cả hai phía Đông và Tây Bán đảo Cà Mau cho thấy tác nhân con người là không nhỏ.

Suốt dọc hơn 700 km bờ biển đồng bằng sông Cửu Long đã và sẽ tiến hành làm đê ven biển. Điều này là cần thiết, nhưng làm ở vị trí nào, độ cao bao

⁸ G. Brunier, *Morphologie des chenaux fluviaux du Mékong*, Université Aix – Marseille, 2012

nhiều, và với quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật nào thì đê mới đứng vững và không gây mất rừng ngập mặn là điều quan trọng hàng đầu.

Ảnh vệ tinh rừng ngập mặn và đê ven biển Tây ở khu vực công Lung Ranh, xã Khánh Tiến, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau vào các thời điểm 2001, 2003 và 2009 cho thấy sau 8 năm rừng ngập mặn ở đây hầu như không còn và đê ven biển bị hư hỏng nặng ở nhiều đoạn.

Cần tổng kết việc xây dựng đê phòng hộ ven biển để sớm kiện toàn quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp với quy luật của động lực học biển ven bờ thì việc xây dựng đê mới không trở thành “lợi bất cập hại”.

3.3. Năng suất, diện tích canh tác và sản lượng lúa ở đồng bằng sông Cửu Long liên tục tăng trong suốt hơn hai mươi năm qua là nhờ ở mạng lưới khá dày kênh các cấp và đê bao để tăng vụ, từ một vụ, lên hai vụ và đang có xu thế lên ba vụ. Nhưng với đê bao để tăng vụ ba “ăn chắc”, đã xuất hiện tình trạng ngập sâu hơn, lũ rút chậm hơn ở nhiều nơi trong Tứ giác Long Xuyên và Đồng Tháp Mười, làm thay đổi bức tranh ngập lũ ở hai địa bàn này.

Giữa tài nguyên, môi trường và phát triển có sự ràng buộc lẫn nhau. Phát triển chỉ có thể bền vững khi khai thác tài nguyên không phá vỡ sức chịu đựng của môi trường và không làm cạn kiệt tài nguyên. Đó là điều cần được cân nhắc theo phương châm “hành động địa phương nhưng nhìn toàn cục”.

III. BA TIỂU VÙNG CỦA CHÂU THỔ

Từ điều kiện khách quan đã hình thành trên châu thổ ba tiểu vùng: tiểu vùng *ưu thế sông*, tiểu vùng *giao thoa* và *cân bằng giữa sông và biển*, và tiểu vùng *ưu thế biển*⁹.

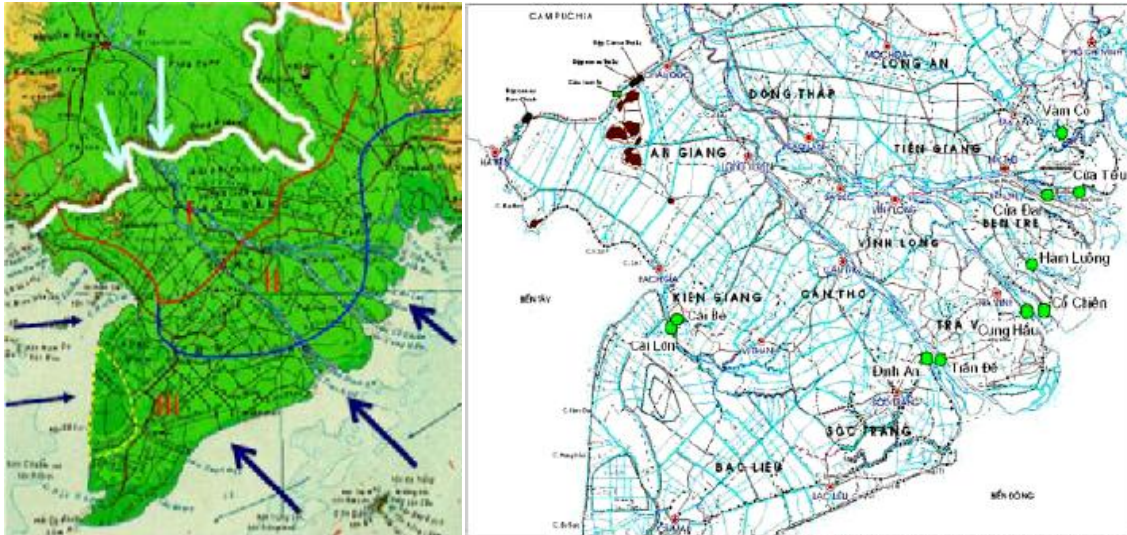
Đường ranh giữa ba tiểu vùng mang tính định tính. Chúng dịch chuyển theo hướng nào và đến đâu tùy thuộc vào mối tương quan giữa ba yếu tố *sông*, *sóng* và *triều*, hay nói khác đi giữa thượng nguồn và biển trong các kịch bản.

Xây dựng ngay bây giờ đường ranh cứng trong khi chưa rõ điều gì sẽ xảy đến từ phía thượng nguồn cũng như về phía biển trong bối cảnh BĐKH, không phải là cách làm khôn ngoan và thích hợp.

Trong quy hoạch thủy lợi ĐBSCL có tính đến BĐKH, đã có kế hoạch xây dựng các công đập trên các nhánh sông Mêkông, sông Vàm Cỏ, sông Cái Lớn và sông Cái Bé. Đây là các công trình vô cùng hệ trọng. Cần mô phỏng các tác động và hệ quả. Mặt khác phải tổng kết toàn diện dự án ngọt hóa Bắc Bến Tre trong đó có xây công đập trên sông Ba Lai, để rút ra các bài học cần thiết.

Thiết tưởng cũng cần rút kinh nghiệm việc thành phố New Orleans bị ngập lụt kéo dài hàng tháng sau cơn bão Katrina (10.2005) và thủ đô Bangkok cũng vậy trong nhiều tháng từ cuối năm 2011 đến đầu năm 2012, vì khả năng thoát nước hạn chế của các công trình được xây dựng với mục đích để bảo vệ chính các thành phố ấy.

⁹ Nguyễn Ngọc Trân, *Ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Một số nhiệm vụ cần triển khai*, Hội nghị khoa học do Bộ Tài nguyên và Môi trường và UNDP tổ chức tại Tp. Hồ Chí Minh, 26/6/2008.



Ba tiểu vùng của ĐBSCL

Nguồn: Viện Quy hoạch Thủy Lợi Miền Nam

IV. MẤY VẤN ĐỀ KINH TẾ XÃ HỘI CẦN QUAN TÂM

Như mọi vùng lãnh thổ, ĐBSCL có hai phân hệ tự nhiên và kinh tế xã hội tác động lên nhau, chịu sự tác động của BĐKH và tác động trở lại lên BĐKH.

Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, kinh tế đồng bằng sông Cửu Long liên tục tăng trưởng nhưng *vùng có xu hướng tụt hậu so với bình quân cả nước.*

Thu nhập bình quân đầu người so với bình quân cả nước *liên tục giảm trong 10 năm qua.* Năm 2011, trừ Cần Thơ, Kiên Giang và An Giang, tất cả các tỉnh còn lại của ĐBSCL có GDP/đầu người thấp hơn bình quân cả nước.

1. Hạ tầng cơ sở giao thông thủy bộ yếu kém là một nguyên nhân

Giao thông thủy ở châu thổ rất thuận lợi cho việc vận chuyển và xuất hàng hóa của đồng bằng ra khỏi vùng. Rất tiếc việc duy tu bảo dưỡng không được quan tâm đúng mức.

Cửa Định An không được đầu tư nạo vét duy tu ở mức cần thiết về *khối lượng, về độ sâu, về thời gian, và về phương tiện nạo vét,* để có thể tiếp nhận tàu biển có trọng tải 5000 tấn, và 10000 tấn giảm tải vào cảng Cái Cui ở Cần Thơ và các cảng biển khác ở đồng bằng qua luồng sông Hậu tự nhiên vốn có.

Đồng bằng sông Cửu Long còn là cửa ngõ ra Biển Đông trực tiếp nhất của ASEAN đất liền. Lợi thế này chưa được khai thác.

Năm 2009, mật độ đường bộ tất cả các loại chỉ đạt 1343 mét/km² và 3132 mét/1000 dân, mật độ đường quốc lộ và cao tốc là 44 mét/km² và 103 mét/1000 dân.

Theo số liệu thống kê, khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường thủy và đường bộ liên tục tăng trong các năm 1995 – 2010 mặc dù mạng lưới giao thông thủy bộ không tương xứng. Khối lượng hàng hóa tuy có tăng, nhưng lại giảm so với bình quân cả nước.

Hạ tầng cơ sở giao thông yếu kém đã cản trở lưu thông hàng hóa và thương mại dịch vụ phát triển. Sức cạnh tranh của hàng hóa thấp. Đầu tư trong nước và nước ngoài ngại đến đồng bằng.

Một hạ tầng cơ sở phát triển đúng sẽ rút ngắn khoảng cách với chi phí thấp, kết nối nông dân với các thị trường trong nước và thế giới. Chất lượng và sự rộng khắp của mạng lưới sẽ tác động có ý nghĩa, bằng nhiều con đường, đến tăng trưởng kinh tế, thu hẹp khoảng cách thu nhập và giảm sự nghèo khổ¹⁰.

2. Những khiếm khuyết và khe hở trong quản lý nhà nước

Sản xuất lương thực, cây ăn quả và thủy hải sản là các thế mạnh của đồng bằng. Diện tích, năng suất và sản lượng tăng liên tục từ năm 1986 đến nay. Tiến bộ khoa học kỹ thuật đã đóng góp đáng kể vào thành tựu này.

Tuy nhiên thu nhập của người nông dân bị thu hẹp dần do bị điều tiết bất lợi ở cả hai khâu cung ứng vật tư nông nghiệp đầu vào và thu mua ở đầu ra.

Chế biến nông sản và thủy hải sản mới dừng lại ở mức sơ chế. Thương hiệu nông sản và chỉ dẫn địa lý được công nhận còn rất ít. Khu vực III của nền kinh tế chưa thực sự là sức hút và động lực cho khu vực I và khu vực II.

Trong khi đó tình trạng thương lái người nước ngoài ung dung tổ chức mạng lưới, chỉ đạo quá trình và quyết định giá cả thu mua, kể cả “lật kèo” giảm giá. Qua thu mua họ gây các cơn sốt nhất thời về cây con, gây không ít khó khăn cho sản xuất nông nghiệp của đồng bằng.

Tâm lý “chạy theo thị trường”, ham lời trước mắt mà không thấy cạm bẫy, xem nhẹ lợi ích lâu dài của người sản xuất là một yếu tố làm cho sản xuất nông nghiệp khó phát triển bền vững, trước mắt trong ứng phó với BĐKH.

Khâu quản lý nhà nước, nhất là trong lĩnh vực công thương nghiệp và sản xuất nông nghiệp, không chỉ có khiếm khuyết, khe hở trong mỗi ngành mà còn có khe hở do thiếu phối hợp giữa các ngành.

3. Về nguồn nhân lực

Con người vừa là động lực vừa là mục tiêu phục vụ, đích mà phát triển phải nhắm đến. Rất tiếc giáo dục và đào tạo, mặc dù có nhiều nỗ lực, vẫn còn là một điểm yếu của đồng bằng và lâu dài sẽ là một cản trở chính cho sự phát triển của vùng.

Trong bối cảnh BĐKH, cần tính đến tình huống “di dân sinh thái” giữa các tiểu vùng, và ra ngoài châu thổ vì lý do biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

V. ỨNG PHÓ TRONG BỐI CẢNH CÒN NHIỀU YẾU TỐ BẤT ĐỊNH

Trong bối cảnh còn nhiều yếu tố bất định, ứng phó với BĐKH cần:

1. Chú trọng đến những giải pháp công trình chuyển đổi được và các giải pháp phi công trình

¹⁰ Báo cáo về sự cạnh tranh trên thế giới 2012-2013 của Diễn đàn Kinh tế thế giới.

Đối diện với nhiều yếu tố bất định như đã thấy trên đây, ứng phó nên lựa chọn các *giải pháp công trình* mỗi khi đảm bảo tính khả thi, sự tồn tại lâu dài và hoạt động đạt hiệu quả cao. Ưu tiên lựa chọn các giải pháp công trình *chuyển đổi được* và các giải pháp *phi công trình*.

Điều tôi ghi nhận sâu sắc trong chuyến tự đi khảo sát ở Hà Lan tháng 10.2010, là đối diện với BĐKH nước biển dâng, ở đất nước nổi tiếng về công tác quản lý nước này đã có một *sự chuyển biến trong nhận thức, từ chinh phục (chế ngự) thiên nhiên sang thích nghi với thiên nhiên*. Một hệ thống bảo vệ an toàn không có nghĩa chỉ có “*xây dựng các công trình và duy tu bảo quản*”. Bên cạnh các giải pháp công trình, còn có những *biện pháp phi công trình*.

Hà Lan mở ra “*không gian cho các sông*” chứ không không chế dòng chảy giữa các đê bằng mọi giá; mở ra không gian cho giao tiếp giữa đất liền và sông, biển. Ở nơi nào có thể, “*giao diện mềm*” thay cho “*giao diện cứng*”¹¹.

Nhà nước Hà Lan đã thể chế hóa những chính sách mới này bằng “*Spatial Planning Act*” (Luật Quy hoạch không gian) và “*Flood Defense Act*” (Luật bảo vệ chống lũ) quy định các chuẩn mà mọi tổ chức và công dân phải tuân thủ.

Những chuyển biến của Hà Lan trên đây cần được nghiên cứu sâu sắc.

2. Đẩy mạnh công tác khoa học và công nghệ

Công tác khoa học và công nghệ phục vụ cho ứng phó với BĐKH là một trong những nhiệm vụ cốt lõi để thực hiện Quyết định số 158/TTg của Thủ tướng Chính phủ, ban hành ngày 02/12/2008, thành lập *Chương trình mục tiêu quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu*.

Công tác nghiên cứu khoa học và công nghệ có nhiệm vụ cung cấp cơ sở khoa học cho các dự báo, các quyết định ứng phó với các tình huống biến đổi khí hậu, mực nước biển dâng, và các giải pháp tối ưu.

Nhà nước cần quy định mọi quy hoạch, dự án công trình tại những địa bàn được dự báo có nhiều khả năng bị tổn thương. Đặc biệt các quy hoạch vùng duyên hải và cận duyên, phải có đánh giá tác động môi trường được xây dựng nghiêm túc, phản biện khách quan, và bảo vệ đúng pháp luật.

Mặt khác một phần trong công tác nghiên cứu khoa học và áp dụng các thành tựu công nghệ mới nên hướng vào *những giải pháp phi công trình* để ứng phó có hiệu quả với BĐKH, NBD¹².

3. Liên kết giữa các ngành, các tỉnh trong ứng phó và phát triển

Ứng phó với BĐKH, NBD và các hệ quả của việc sử dụng nguồn nước ở thượng nguồn, các ngành, các tỉnh ĐBSCL không thể đối diện riêng lẻ.

¹¹ Nguyễn Ngọc Trân, *Ghi nhận về Hà Lan ứng phó với biến đổi khí hậu*,

http://www.monre.gov.vn/v35/uploaded/4/13939_gihinhan_halan-bdkh.pdf

¹² Xem chi tiết trong Nguyễn Ngọc Trân, *Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ sự phát triển bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long*, tham luận tại *Hội thảo khoa học và công nghệ hướng tới diễn đàn hợp tác kinh tế đồng bằng sông Cửu Long*, do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức tại Cà Mau, 15.09.2011.

Tiềm năng kinh tế của ĐBSCL không phải là kết quả cộng số học tiềm năng của các tỉnh, thành phố trong địa bàn. Không liên kết các tỉnh sẽ cạnh tranh nhau, tạo khe hở dẫn đến bị thiệt thòi trong giao thương với bên ngoài, bị mất cả thương hiệu, và còn có nguy cơ bị quy kết bán hàng “dõm”, bán phá giá.

Vấn đề kinh tế vùng đã chín muồi để được đặt vào chương trình nghị sự của Đảng và Nhà nước.

Những bài toán toàn cầu khác như toàn cầu hóa kinh tế và tự do hóa thương mại, hội nhập quốc tế cũng tác động đến ứng phó với BĐKH. Cần phân tích sâu và toàn diện các thuận lợi, thời cơ và các khó khăn thách thức mà *các bài toán toàn cầu* đặt ra đối với đất nước, có tác động đến quy hoạch châu thổ.

VI. CẦN KẾT NỐI ĐỂ TỐI ƯU HÓA HỢP TÁC QUỐC TẾ ỨNG PHÓ VỚI BĐKH

Hiện nay trên chủ đề ứng phó với biến đổi khí hậu tại ĐBSCL có không ít chương trình dự án hợp tác quốc tế (CTDAHT) với nhiều nhà tài trợ song phương và đa phương. Qua các báo cáo của các CTDAHT có thể rút ra ba điều: (1) các CTDAHT này có thể bổ sung cho nhau; (2) có không ít nội dung trùng lặp; (3) còn nhiều nội dung chưa được các CTDAHT tiếp cận.

Thiết nghĩ nếu có sự phối hợp giữa các Bộ ngành của Việt Nam, bàn bạc trao đổi với các nhà tài trợ, nội dung của các CTDA hợp tác sẽ được hướng một cách tối ưu và hài hòa vào các vấn đề thiết yếu nhất của đồng bằng sông Cửu Long, phát huy cao hơn nữa hiểu biết của các chuyên gia trong nước và quốc tế, nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của hợp tác nhằm ứng phó tốt nhất với BĐKH tại ĐBSCL.

Vấn đề cốt tử là về phía Việt Nam phải biết rõ mình muốn gì, có tầm nhìn tổng hợp, và có sự phối hợp, hợp tác liên ngành chân thành vì lợi ích chung.

VII. MÊKÔNG LÀ MỘT CON SÔNG QUỐC TẾ

Mêkông là một *con sông quốc tế* chảy qua nhiều quốc gia. Việt Nam là *quốc gia cuối cùng ở hạ lưu vực*.

Hiện nay đang có một nỗ lực quốc tế xây dựng những quy tắc về một dòng sông quốc tế. Tuy nhiên mâu thuẫn quyền lợi quốc gia khiến cho công việc còn gặp nhiều trở ngại.

Trong điều kiện đó và trong bối cảnh biến đổi khí hậu, nước biển dâng, *bảo vệ quyền lợi quốc gia* đối với việc *sử dụng nước* sông Mêkông ở thượng nguồn vì lợi ích chung của các nước trong lưu vực là một *nhiệm vụ hàng đầu* của Nhà nước.

Có ba vấn đề mà Việt Nam cần thảo luận với các nước trong cả lưu vực sông Lancang-Mêkong:

A. *Các dự án chuyển nước* phải được xem xét một cách thận trọng nhất. *Các dự án xây dựng đập* cũng vậy. Trong cả hai trường hợp, nhất thiết yêu cầu nhà đầu tư phải có báo cáo tác động môi trường đối với *toàn bộ lưu vực*.

B. *Số liệu khí tượng thủy văn* trong cả lưu vực sông Lancang-Mêkong cần được chia sẻ giữa các nước trong lưu vực, cũng như *chế độ vận hành* các đập vì cần cho việc quản lý tốt các rủi ro, các tình huống cực đoan trong lưu vực.

C. Việc khai thác nguồn nước của các nước thượng nguồn phải đi đôi với trách nhiệm về mọi biến động trong toàn bộ lưu vực mà việc khai thác này gây ra.

Lợi ích của một quốc gia trong lưu vực không thể tách rời lợi ích của các quốc gia khác trong lưu vực. Hợp tác để cùng phát triển bền vững là cách ứng xử đúng đắn nhất./.